

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 16 tháng 10, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading





- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	KDH	15/10/2025	34.1	21.160.400	5.911.754	3.58
2	ORS	15/10/2025	15.55	15.280.400	4.391.314	3.48
3	GEX	15/10/2025	62.9	29.554.100	11.522.637	2.56
4	VGC	15/10/2025	52	2.687.800	1.116.803	2.41
5	VPB	15/10/2025	33.7	92.651.568	38.618.280	2.4
6	DPM	15/10/2025	23.4	8.837.200	4.100.210	2.16
7	PNJ	15/10/2025	86.1	997.700	498.310	2
8	VRE	15/10/2025	41.9	19.684.200	9.890.873	1.99
9	BVH	15/10/2025	51	725.100	378.983	1.91
10	NLG	15/10/2025	39.3	5.838.100	3.110.273	1.88
11	GAS	15/10/2025	59	1.271.300	676.573	1.88
12	HAX	15/10/2025	11.05	1.618.000	874.017	1.85
13	DCM	15/10/2025	34	5.370.100	2.962.903	1.81
14	FPT	15/10/2025	89.6	18.738.600	10.538.207	1.78
15	IDC	15/10/2025	37.2	3.202.900	1.852.430	1.73
16	NAG	15/10/2025	12.9	947.100	581.030	1.63
17	VJC	15/10/2025	163.1	3.453.800	2.132.973	1.62
18	PVS	15/10/2025	30.5	6.017.300	3.738.350	1.61
19	PVC	15/10/2025	10.5	1.784.300	1.105.210	1.61
20	HDG	15/10/2025	35.7	8.664.800	5.412.084	1.6
21	TCH	15/10/2025	24.5	16.970.100	10.691.333	1.59
22	YEG	15/10/2025	13	4.215.700	2.659.600	1.59
23	BSI	15/10/2025	43.7	1.419.300	908.273	1.56
24	HDB	15/10/2025	33.1	23.703.400	15.453.827	1.53
25	GMD	15/10/2025	69	3.943.600	2.593.370	1.52
26	SHB	15/10/2025	18.2	135328896	94461192	1.43
27	PC1	15/10/2025	23.8	3538200	2483457	1.42
28	AAS	15/10/2025	11.5	4839300	3479260	1.39



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAA	15/10/2025	7.95	1.838.260	41.89	7.82	1.66	0.03	0.04
2	BID	15/10/2025	39.35	4.285.120	42.83	38.25	2.87	0.06	-0.21
3	CTD	15/10/2025	83.5	1.386.550	52.94	81.06	03.02	0.25	-0.07
4	FRT	15/10/2025	142	722.570	64.74	139.99	1.44	-0.29	-4.13
5	IDI	15/10/2025	7.63	1.010.290	35.79	7.36	3.61	0.03	0.04
6	KSB	15/10/2025	19.1	1.934.380	42.17	18.33	4.18	0.11	0.22
7	MST	15/10/2025	5.9	3.404.480	50.03	5.83	1.22	0.01	0.09
8	VCB	15/10/2025	62.5	5.722.340	45.08	60.86	2.69	0.01	-0.23



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ABB	12.8	13	3.269.760
2	ATG	8.7	9.7	301330
3	CEO	31.7	31.8	21.814.510
4	CII	30.3	30.6	27.500.440
5	GEE	165.8	165.8	1163390
6	GEX	62.9	62.9	17.903.020
7	HDC	41.2	41.8	5.400.180
8	HDG	35.7	35.7	4.922.690
9	MZG	18.9	20	890.110
10	NAF	34.1	34.3	684.140
11	SSI	41.45	43.3	39.412.740
12	TAL	50.2	50.8	660.340
13	VIX	39.6	40.2	37.582.712
14	VJC	163.1	163.1	2.396.520
15	VPI	60.2	61.3	2.170.480

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	FPT	89.6	84.41	8.694.190
2	DXS	11.5	11.4	2.461.270
3	HAX	11.5	11.5	879.580
4	PPC	10.4	10.3	271.420

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	FPT	89.6	89.5	8.694.190
2	PVS	30.5	30.4	3.673.880
3	DCM	34	33.85	3.364.200
4	DXS	11.5	11.4	2.461.270
5	IDC	37.2	37.1	2.371.570
6	PVC	10.5	10.4	938.320
7	HAX	11.05	11.5	879.580
8	VOS	13	12.95	849.140
9	SZC	32.4	32.35	826.900
10	BSI	43.7	43.3	808.770
11	OIL	10.7	10.2	758.630
12	ACV	53.1	53	606.970
13	GAS	59	58.8	533.880
14	TNG	18.6	17.47	494.330
15	DC4	11.2	11.2	450.450
16	ELC	21.2	21.2	395.880
17	CMG	38.2	38.2	392.770
18	SCS	56.3	56.3	348.940
19	GIL	15.75	15.75	318.770

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	GMD	69	68.86	2.062.400
2	IJC	13.65	13.46	5.836.730
3	KDH	34.1	33.24	7338620
4	MSN	82.5	82.5	8.854.160
5	NVL	15.6	15.58	12.386.500
7	VIB	20.25	20.1	10301560
8	VTP	98.8	97.66	502650

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	KDH	34.1	34	7.338.620
2	NT2	22.65	22.47	1.234.420
3	TPB	19.7	19.68	23426710

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	ASM	07.06	7.15	1.545.950
2	HBC	6.8	6.91	1.532.380
3	LSS	10	10.1	680190

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	DTD	21.5	21.52	833.720
2	HCM	26.7	26.83	10.834.460
3	VCB	62.5	62.77	5722340
4	VCG	27.25	27.54	12.449.210
5	VGT	12.1	12.15	526.890

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	DTD	21.5	21.51	833.720
2	HPG	28.25	28.38	56.533.332
3	LSS	10	10.09	680190
4	MBS	34	34.27	7.381.500
5	MST	5.9	5.96	3.404.480



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SBG	15/10/2025	12.2	12.15	12.7	4.5	232.200
2	QNS	15/10/2025	46.7	46.5	49.1	5.6	192.100
3	NAB	15/10/2025	14.8	14.65	15.5	5.8	1.621.560
4	SSB	15/10/2025	19	19	20.15	6.1	2.911.220
5	OCB	15/10/2025	13.05	12.55	13.4	6.8	4.677.680
6	QTP	15/10/2025	13	13	13.9	6.9	174.640
7	VEA	15/10/2025	39.7	37.9	40.6	7.1	329.760
8	BAF	15/10/2025	34.25	33.55	36	7.3	3.025.860
9	VTZ	15/10/2025	18.3	18	19.4	7.8	1.413.120
10	MSB	15/10/2025	13.25	13	14.5	8.1	10.036.880
11	ABB	15/10/2025	12.8	11.9	13	9.2	3.799.500
12	PNJ	15/10/2025	86.1	81.57	89.05	9.2	532.540
13	SJD	15/10/2025	14.5	13.5	14.76	9.3	142.860
14	PPT	15/10/2025	13.7	13.2	14.5	9.8	263.420
15	VAB	15/10/2025	11.4	11.15	12.3	10.3	1.266.320
16	SAB	15/10/2025	45.25	45.15	50	10.7	536.720
17	REE	15/10/2025	64.7	63.9	71.2	11.4	419.180
18	BWE	15/10/2025	48.1	46.5	51.9	11.6	173.340
19	VCS	15/10/2025	47.5	47.5	53.3	12.2	102.860
20	VC3	15/10/2025	28.9	25.92	29.1	12.3	799.720
21	CTF	15/10/2025	20.5	20.1	22.6	12.4	359.560
22	TTA	15/10/2025	12	11.9	13.4	12.6	275.320
23	AVG	15/10/2025	14.6	14.3	16.1	12.6	191.120
24	PVT	15/10/2025	17.55	17.35	19.6	13	281.7480
25	PPC	15/10/2025	10.4	10.35	11.7	13	311.660
26	VNM	15/10/2025	63.6	58.5	66.2	13.2	491.5940
27	VIP	15/10/2025	13.1	12.75	14.45	13.3	220.660
28	PGB	15/10/2025	17.1	15.6	17.7	13.5	115.360



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường
Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông
Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại: 0237 3515 009